TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Dương Thắng.

Ông Thạch Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Ngọc H, sinh ngày 01/01/2003 (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt);

Căn cước công dân số 091303010462 cấp ngày 15/9/2023.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc Đ, sinh ngày 11/7/2002 (Vắng mặt);

Chứng minh nhân dân số 366303884 cấp ngày 08/02/2017.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn bà Hồ Ngọc H trình bày:

Bà Hồ Ngọc H và ông Trần Ngọc Đại T quen biết nhau, có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/7/2022 đăng ký tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M,

thành phố Cần Thơ). Bà Hồ Ngọc H và ông Trần Ngọc Đ thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cuộc sống giữa bà Hồ Ngọc H và ông Trần Ngọc Đ không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại bà Hồ Ngọc H và ông Trần Ngọc Đ sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Bà Hồ Ngọc H và ông Trần Ngọc Đ, chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023, hiện tại cháu H1 và cháu H2 đang sống cùng với bà Hồ Ngọc H. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/5/2026, bà Hồ Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Trần Ngọc Đ; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Ngọc Đ:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đại để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đại để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn ông Trần Ngọc Đ vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt các phiên toà là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc H: Bà Hồ Ngọc H được ly hôn với ông Trần Ngọc Đ. Giao 02 (hai) con chung tên Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023 cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà H không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023 nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; ông Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Hồ Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Trần Ngọc Đ. Bị đơn ông Trần Ngọc Đ cư trú tại ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đ được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông Đại tự N kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 13/7/2022. Tại thời điểm kết hôn, bà H, ông Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông Đ được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày, sau khi kết hôn bà H, ông Đ chung sống hạnh phúc, đến đầu tháng 10 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc từ đó mỗi người có cuộc sống riêng kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Ông Đ không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông Đ đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo giấy khai sinh số 1988 ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ) thể hiện bà H và ông Đ có con chung tên Trần Gia H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/9/2022 và giấy khai sinh số 449 ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ) thể hiện bà H và ông Đ có con chung tên Trần Gia H2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/11/2023. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày

01/11/2023 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và cháu Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023 hiện đang sống cùng bà H, cuộc sống, đã ổn định nên giao cháu H1, cháu H2 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, yêu cầu về con chung của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở"*. Theo quy định này, ông Đ là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với bà H. Đồng thời, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Theo quy định này, ông Đ là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, bà H không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Ngọc H được ly hôn với ông Trần Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Gia H1, sinh ngày 26/9/2022 và Trần Gia H2, sinh ngày 01/11/2023 cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Hồ Ngọc H không yêu cầu ông Trần Ngọc Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Ngọc H trình bày không yêu cầu giải quyết. Ông Trần Ngọc Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0009553 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Hồ Ngọc H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TT và THA);
- UBND xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu